

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 22 – 3 - 2024
V/v “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Kỳ.
2. Ông Nguyễn Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Bích M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phàng Ngọc T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Phùng Thị Bích M trình bày:

Bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Lắc cũ (nay là phường Q, thành phố G, tỉnh Đắc Nông). Đến năm 1996 ông bà chuyển đến sinh sống tại thôn 5, xã Quảng Tín, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Lắc cũ (nay là thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông)

nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hai gia đình có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời kỳ chung sống, giữa bà M và ông Phàng Ngọc T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện nay nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa, nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phùng Thị Bích M với ông Phàng Ngọc Thành.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T có 04 con chung là Phàng Nhất G, sinh ngày 12/02/1994; Phàng Anh S, sinh ngày 18/4/1996; Phàng Chí C, sinh ngày 02/12/1997 và Phàng Da H, sinh ngày 12/08/2001 đều đã trên 18 tuổi nên bà M không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Phàng Ngọc T trình bày: Ông Phàng Ngọc T đồng ý với lời khai của bà Phùng Thị Bích M về thời gian chung sống, tình trạng quan hệ hôn nhân của ông T và bà M. Hiện nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Phùng Thị Bích M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Phàng Ngọc T và bà Phùng Thị Bích M có 04 con chung là Phàng Nhất G, sinh ngày 12/02/1994; Phàng Anh S, sinh ngày 18/4/1996; Phàng Chí C, sinh ngày 02/12/1997 và Phàng Da H, sinh ngày 12/08/2001 đều đã trên 18 tuổi nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phàng Ngọc T và bà Phùng Thị Bích M thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Bích M. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T; về con chung: Các con chung của bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T là Phàng Nhất G, sinh ngày 12/02/1994; Phàng Anh S, sinh ngày 18/4/1996; Phàng Chí C, sinh ngày 02/12/1997 và Phàng Da H, sinh ngày 12/08/2001 đều đã trên 18 tuổi nên đề nghị không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phùng Thị Bích M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phàng Ngọc T nên quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phàng Ngọc T đang cư trú tại thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phùng Thị Bích M và bị đơn ông Phàng Ngọc T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thành, bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Bích M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 và có 04 con chung. Quá trình chung sống ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn, mặt khác Nhà nước có chính sách khuyến khích đăng ký kết hôn nhưng ông bà vẫn không chấp hành là vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Mặt khác, trong quá trình chung sống giữa bà Phùng Thị Bích M và ông Phàng Ngọc T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T và bà M tính tình không không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã có gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay ông T và bà M nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Bích M là

có căn cứ cần chấp nhận, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phùng Thị Bích M và ông Phùng Ngọc T.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phùng Thị Bích M và ông Phùng Ngọc T có 04 con chung là Phùng Nhất G, sinh ngày 12/02/1994; Phùng Anh S, sinh ngày 18/4/1996; Phùng Chí C, sinh ngày 02/12/1997 và Phùng Da H, sinh ngày 12/08/2001. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phùng Thị Bích M và ông Phùng Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phùng Thị Bích M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Bích M.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phùng Ngọc T và bà Phùng Thị Bích M.

2. Về con chung: Các con chung Phùng Nhất G, sinh ngày 12/02/1994; Phùng Anh S, sinh ngày 18/4/1996; Phùng Chí C, sinh ngày 02/12/1997 và Phùng Da H, sinh ngày 12/08/2001 đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phùng Ngọc T và bà Phùng Thị Bích M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phùng Thị Bích M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Phùng Thị Bích M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002109 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phàng Ngọc T và bà Phùng Thị Bích M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu